Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Khoa học Xã hội và Nhân văn
ISSN 2588-1213
Tập 135, Số 6D, 2026, *Tr. 33–48*; **DOI:** 10.26459/hueunijssh.v135i6D.8213

PHÂN LOẠI CỔNG TAM QUAN CHÙA HUẾ THỜI NGUYỄN

Nguyễn Thị Minh Xuân

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, 77 Nguyễn Huệ, Huế, Việt Nam

*Tác giả liên hệ: **Nguyễn Thị Minh Xuân** <minhxuan@husc.edu.vn>

(*Ngày nhận bài: 04-01-2026; Ngày chấp nhận đăng: 15-06-2026*)

Tóm tắt: Cổng tam quan là một thành phần kiến trúc chủ đạo trong các cơ sở tôn giáo truyền thống Việt Nam như đền, chùa, đình, miếu, lăng… đóng vai trò là điểm nhấn không gian và là ranh giới giữa cõi tục với chốn thiền. Bài báo tập trung nghiên cứu đặc điểm kiến trúc, phân loại các dạng cổng chùa Huế – loại hình kế thừa cấu trúc cổng chùa Việt truyền thống nhưng mang dấu ấn kiến trúc triều Nguyễn và tinh thần Phật giáo cố đô. Thông qua khảo sát thực tế 22 ngôi chùa tiêu biểu thuộc hệ phái Bắc tông, kết quả xác định được có 4 dạng cổng chính. Trong đó, dạng cổng hai tầng có vọng lâu phổ biến nhất và ảnh hưởng rõ nét cấu trúc, trang trí từ cổng thành triều Nguyễn. Hệ thống trang trí trên cổng phong phú, trong đó nhóm trang trí biểu tượng Phật giáo chiếm đa số.

Từ khóa: Cổng tam quan; chùa Huế; kiến trúc triều Nguyễn; biểu tượng Phật giáo

TAM QUAN GATE OF HUE PAGODA IN THE NGUYEN DYNASTY

Nguyen Thi Minh Xuan

University of Sciences, Hue University, 77 Nguyen Hue Street, Hue, Vietnam

*Corresponding author: **Nguyen Thi Minh Xuan** <minhxuan@husc.edu.vn>

(*Received: January 04, 2026; Accepted: June 15, 2026*)

Abstract: The tam quan gate is a fundamental architectural element in traditional Vietnamese religious and spiritual sites, such as temples, communal houses, shrines, and mausoleums. It functions both as a spatial focal point and a symbolic threshold between the secular and sacred realms. This paper investigates the architectural characteristics and classifies the typology of pagoda gates in Hue which

reflect both traditional Vietnamese forms and the distinctive influence of Nguyen Dynasty architecture and Buddhist culture. Based on a field survey of 22 representative Mahayana pagodas, four primary gate types are identified. Notably, the two-story gate with a pavilion (vong lau) is the most prevalent, showing a clear influence from the structure and ornamentation of Nguyen Dynasty citadel gates. Among them, the two-story gate with a pavilion (vong lau) is the most prevalent, showing strong similarities to the structure and ornamentation of Nguyen Dynasty citadel gates. The decorative elements on these gates remarkably diverse, with Buddhist symbols dominating the visual language.

Key words: Tam quan gate; Hue pagoda; Nguyen dynasty architecture; Buddhist symbols

1. Mở đầu

Trong tổng thể kiến trúc chùa chiền Phật giáo, cổng tam quan là một bộ phận chính và bắt buộc. Cổng còn đóng vai trò xác lập ranh giới, mang nhiều ý nghĩa biểu tượng trong giáo lý nhà Phật. Cổng chùa Việt được định hình quy mô, cấu trúc ở thời Lý – Trần, giai đoạn thịnh đạt nhất của Phật giáo Việt Nam. Đạo Phật du nhập vào Việt Nam khá sớm. Từ giai đoạn Lý Trần kiến trúc chùa viện đã có sự phát triển rất lớn, lầu chuông gác trống, tam quan đã phát triển giai đoạn đó. Thời Lê Mạc về sau thì hệ thống bia ghi việc dựng chùa, trùng tu lầu chuông gác trống rất cụ thể, dựng lên các tam quan được giai đoạn về sau kế thừa. Nhìn chung, các giai đoạn phát triển lịch sử của tam quan chùa Việt đều có sự thống nhất về ý nghĩa, kiểu thức, kết cấu [7]. Vào thời Nguyễn, cổng tam quan có sự kế thừa từ cổng chùa Việt truyền thống, đa dạng về loại hình nhưng quy mô nhỏ gọn hơn, giản lược các chi tiết trang trí hơn so với cổng chùa miền Bắc.

Tuy nhiên, các công trình nghiên cứu về cổng tam quan chùa Huế hiện nay vẫn tồn tại một số hạn chế: phần lớn chỉ tập trung vào bố cục tổng thể, mặt bằng, chính điện hoặc hệ thống trang trí… Cổng tam quan nếu được đề cập chỉ dừng lại ở mức giới thiệu lịch sử hình thành, mô tả hình dáng chung qua tư liệu hình ảnh. Hiện vẫn chưa có công trình nào khảo sát trên số lượng cụ thể hay phân loại hệ thống cổng, dẫn đến những khó khăn cho công tác bảo tồn và phục dựng sau này. Trên cơ sở khảo sát thực tế 22 ngôi chùa phái Bắc Tông tại Huế, bài viết phân tích đặc điểm đặc trưng và phân loại các dạng cổng, qua đó góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu chuyên sâu về sau.

1.1 Mục tiêu nghiên cứu

Một số mục tiêu nghiên cứu được đặt ra như sau:

- Nhận diện đặc điểm chung cổng tam quan chùa Huế.

- Phân loại các loại cổng và đặc điểm mỗi loại cổng tam quan.

- Rút ra một số ý nghĩa văn hóa – biểu tượng Phật giáo trang trí trên cổng.

1.2 *Phạm vi nghiên cứu*

22 ngôi chùa có giá trị lịch sử – kiến trúc – văn hóa thuộc tông phái Bắc Tông nằm trong giai đoạn thời Nguyễn (1558-1945), phạm vi địa lý thành phố Huế (Bảng 1).

22 chùa trên bao gồm đầy đủ các nhóm chùa (quốc tự, chùa tổ, chùa quan, chùa sắc tứ, chùa làng, chùa sư nữ) thời gian xây dựng trải dài từ thời các chúa Nguyễn (thế kỉ 16, 17) đến triều Nguyễn và giai đoạn chấn hưng Phật giáo. Nhóm chùa khảo sát bao gồm 3 di tích cấp quốc gia (quốc tự Thiên Mụ, Diệu Đế, Thánh Duyên) và di tích cấp tỉnh (chùa Bác Vọng Tây, chùa Từ Ân, La Chữ)… Về mặt kết cấu kiến trúc, các chùa khảo sát bao quát đủ các dạng thức tam quan của chùa Huế và đảm bảo giá trị về lịch sử, kiến trúc.

Bảng 1: Thông tin 22 ngôi chùa Huế khảo sát

Tên chùa	Xây dựng	Loại chùa	Tên chùa	Xây dựng	Loại chùa
1. Thiên Mụ	1601	Quốc tự	12. Bảo Quốc	1674	Chùa tổ
2. Diệu Đế	1844	Quốc tự	13. Quốc Ân	1682	Chùa tổ
3. Thánh Duyên	Thế kỉ 17, trùng tu 1836	Quốc tự	14. Từ Đàm	1669	Chùa tổ
4. Linh Quang	1841	Chùa quan	15. Từ Ân	1848	Chùa sắc tứ
5. Kim Quang	1871	Chùa quan	16. Từ Hiếu	1843	Chùa tổ
6. Đông Thuyền	1739	Chùa sư nữ	17. Tây Thiên	1902	Chùa tổ
7. Quảng Tế	TK 18	Chùa	18. Thiền Tôn	1693	Chùa tổ
8. Trúc Lâm	1903	Chùa	19. Từ Lâm	>1699	Chùa tổ
9. Diệu Viên	1924	Chùa sư nữ	20. Viên Thông	1697	Chùa tổ
10. Ba La Mật	1886	Chùa dân lập	21. Bác Vọng Tây	Nguyễn Phúc Chu	Chùa làng
11. Diệu Ngộ	1900	Chùa	22. La Chữ	1680	Chùa làng

1.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu tài liệu thứ cấp: tư liệu, sách, luận văn về chùa Huế, các bài viết của chuyên gia về cổng tam quan, cổng chùa Việt truyền thống và về biểu tượng trang trí phật giáo…

Phương pháp khảo sát thực địa và chụp ảnh hiện trạng, đo vẽ: khảo sát 22 cổng chùa, chụp ảnh các cổng chùa và vẽ ghi lại các dạng cổng. Sử dụng công cụ Autocad để hoàn thiện các bản vẽ ghi thành bản vẽ các dạng cổng. Sau đó, dựa trên các bản vẽ, ảnh chụp và tìm hiểu cấu trúc chùa Việt truyền thống: phân tích cấu trúc, tỉ lệ, hình thức, kết cấu để phân loại 22 cổng theo các dạng cổng điển hình, phân tích cấu trúc, đặc điểm mỗi dạng.

2. Khái niệm và ý nghĩa biểu tượng của cổng tam quan

2.1 Khái niệm cổng tam quan

Là nơi dừng chân của khách đến ngôi chùa, là vị trí ngăn chia giữa đời thực và chốn thiền. Tam quan nghĩa là ba lối vào, các chùa Việt từ lâu gọi cửa chùa là tam quan. "*Thông qua việc tìm hiểu về quá trình lịch sử, cho thấy hệ thống bi ký được khảo sát qua các triều đại Mạc, Lê Trung hưng, Nguyễn về sau đều dùng từ tam quan để chỉ cửa chùa Phật giáo"* [7]. Cổng tam quan thiết kế với ba lối đi, trong đó lối chính lớn nhất ở giữa và hai lối phụ nhỏ hơn ở hai bên. Đó không chỉ là bộ phận trong tổng thể kiến trúc mà nó còn mang ý nghĩa biểu tượng văn hóa, biểu tượng trong nhân sinh quan Phật giáo.

Theo Giác Minh Tuệ: "*Kiểu dạng tam quan tuỳ thuộc vào vị thế địa lý, kinh tế vùng miền, ngôi chùa có sự ảnh hưởng tới văn hoá cộng đồng như thế nào thì xây dựng chùa chiền nói chung và tam quan nói riêng có những mức độ quy mô khác nhau*"… "*Trước tiên là tam quan gỗ, từ kiểu thức đơn giản nhất là cái cổng để đi lại cho thuận tiện, khoanh vùng cho ngôi chùa, dần dần chuẩn hoá theo kiểu thức cung đình với cấu kiện kiến trúc, chồng rường, diêm tầng lớp mái"* [7]. Từ dạng "tam quan" biến đổi thành "cổng ngũ quan" như cổng chùa Láng ở Hà Nội hay cổng Ngọ Môn ở Kinh thành Huế.

2.2. Ý nghĩa biểu tượng của cổng tam quan trong Phật giáo

Theo Lê Thanh Sơn: Các chùa Phật giáo Việt Nam ngoài là nơi hành lễ tôn giáo còn là những không gian hàm chứa ý nghĩa biểu tượng cho triết lý Phật giáo. Như giải pháp không gian tượng trưng cho Tam giới (trên cấp nền), Tam thế (trên thiết đồ và nội thất 3 tượng Phật). Trong đó, tam quan biểu tượng cho giáo lý Phật trên lối vào và trục chính bố cục chùa [5, Tr. 20].

Theo Vũ Tam Lang: "*Tam quan với giáo lý Phật học là: Không quan: nói chưa hiểu gì, không có quan niệm gì về đời; Giả quan: cái gì cũng là giả tạo, biến hóa vô lường; Trung quan: xét theo cái thuyết không phải là không, không phải là giả, phải tìm cái gì cho thích ứng. Do đó, tam quan vừa có thể hiểu là*

kiến trúc cổng có 3 cửa vào, lại cũng có thể hiểu là 3 nơi quan sát theo quan niệm Phật giáo" [4, Tr. 56]. Như vậy, tam quan vừa nghĩa là kiến trúc cổng vừa hàm chứa là nơi quan sát, chiêm nghiệm hiểu hơn giáo lý nhà Phật.

Ý nghĩa triết học Phật giáo của cổng tam quan theo Phật học đại từ điển lý giải "là cách gọi của tam giải thoát môn". Là không môn (tánh không), vô tướng môn (không hình tướng) và vô nguyện môn (không mong cầu). Chính là ba cửa giải thoát cho chúng sinh thoát khỏi phiền não, tiến nhập vào chốn thanh tịnh, an nhiên tự tại để đạt đạo quả Niết bàn [7]. Như vậy, cổng tam quan ngoài vai trò giao thông đi lại còn có ý nghĩa triết học Phật giáo sâu sắc, mang tính biểu tượng về con đường tu tập giác ngộ trong đạo Phật.

3. Đặc điểm chung và phân loại cổng tam quan chùa Huế

3.1 Đặc điểm chung cổng tam quan chùa Huế

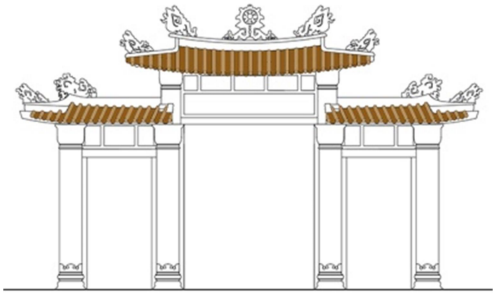
*** Đặc trưng – tinh thần chung của cổng tam quan chùa Huế:** cổng tuân theo tinh thần kiến thiết chung của chùa Huế đó là: "*thiên nhân tương dữ*"[1]. Tinh thần đó thể hiện ở các điểm: tổng thể kiến trúc nói chung và cổng không xây dựng khối tích đồ sộ, không lấn át thiên nhiên. Cân nhắc về tỷ lệ, kết cấu đơn giản và vật liệu… để công trình hòa mình vào cảnh quan xung quanh. Đặc biệt tinh thần chung của cổng toát lên sự yên bình, gần gũi thay vì thể hiện uy quyền hay phô trương. Điều này tạo nên sự khác biệt so với các cổng chùa miền Bắc. Cổng chùa miền Bắc có cả tam quan ngoại và tam quan nội tạo nên ranh giới rõ rệt. Cổng thường cao lớn đồ sộ, thể hiện tính tôn nghiêm, uy quyền, gắn với quan niệm Phật giáo như một thế giới siêu hình linh thiêng. Ví dụ cổng chùa Láng ở Hà Nội cao rộng, tinh xảo hay cổng chùa Bối Khê – Hà Nội với cả tam quan ngoại 5 lối vào và tam quan nội 2 tầng kết hợp là gác chuông ở trên mang đậm dấu ấn Phật giáo thời Trần với tư tưởng "cửa Phật uy nghiêm". Sự khác biệt này phản ánh hai phong cách tư duy không gian Phật giáo: một bên thiên về tĩnh, đề cao sự dung dị hài hòa con người và thiên nhiên (Huế), một bên thiên về sự uy nghiêm (miền Bắc), nhưng đều góp phần thể hiện bản sắc vùng miền trong kiến trúc chùa Việt Nam.

*** Cấu tạo cổng**: gồm có 3 lối đi tương ứng có 3 vòm cửa, tạo lối là tường hoặc trụ cổng. Phía trên là thanh ngang gọi là trán cổng hoặc phía trên là hệ mái 1 tầng hoặc 2, 3 tầng mái (Hình 1).

*** Kích thước:** cổng cao từ 5m đến 8m, chiều rộng từ 5,95m đến 9,9m (có chùa Thiên Mụ là quốc tự thì chiều rộng đến 11,9m), độ sâu cổng từ 0.6m đến 2,54m. Ví dụ: cổng chùa Báo Quốc nhìn rất tinh tế với 3 tầng mái nhưng có chiều cao 7,01m, chiều ngang 9,8m, sâu 2,54m. Cổng chùa Diệu Viên rộng 5,95m cao 6,46m nhẹ nhàng gần gũi như cổng phủ đệ xứ Huế. Cổng

[1] Thiên nhân tương dữ: xuất phát từ tư tưởng Nho giáo, có thể hiểu là "trời và người cùng tồn tại, tương hỗ với nhau" hay rộng hơn là "con người và thiên nhiên sống hòa hợp, gắn bó mật thiết với nhau".

chùa Từ Hiếu rộng 8,88m nhưng cao chỉ tầm 6,9 đến 7m. Chùa Quốc Ân rộng 7,84m, cao 6,2m. Có thể thấy, kích thước các cổng chùa tổ hay chùa dân lập nằm chung trong giới hạn khá tương đồng. Còn với loại quốc tự (chùa Thiên Mụ) cổng dài hơn nhưng tỷ lệ chung vẫn hài hòa (dài 11,9m nhưng cao chỉ tầm 5,87 đến 6m).



Hình 1: 3 lối vào cổng tam quan chùa Từ Đàm – Huế (Nguồn: tác giả)

* **Nguyên tắc tạo hình:** cổng sử dụng nguyên tắc đối xứng 2 bên theo trục, nhấn mạnh vào trọng tâm ở giữa nên vòm cửa giữa bao giờ cũng cao lớn nhất, mái giữa luôn cao hơn mái hai bên. Trụ cổng là bộ phận chịu lực chính đỡ mái cổng. Hình thức trụ đa dạng, hoặc xây tường tạo vòm. Ngoài ra, sử dụng thêm nguyên tắc lặp lại, đồng dạng các motip trang trí (Hình 1, Hình 3).

* **Yếu tố trang trí thời Nguyễn**: ảnh hưởng từ trang trí cung điện triều Nguyễn từ nội dung đến sử dụng vật liệu. Các nội dung: câu đối chữ Hán, kinh kệ, họa tiết hoa lá, Rồng triều Nguyễn, bánh xe pháp luân… Vật liệu: đắp vữa, vẽ bột màu trên cổng và nghệ thuật "đắp nổi sành sứ" của triều Nguyễn cũng xuất hiện ở một vài cổng (Hình 1, Hình 3).

*** Sử dụng biểu tượng Phật giáo:** các trang trí, điển tích, biểu tượng Phật giáo như: hoa sen trên trụ, long mã, bánh xe pháp luân, điển tích… mang ý nghĩa nhà Phật. Nổi bật trên bờ nóc mái là biểu tượng "lưỡng long chầu nhật"[2] (chùa Diệu Đế) hoặc lưỡng long chầu bình hồ lô (chùa Thiên Mụ), lưỡng long chầu pháp luân[3] (chùa Linh Quang), lưỡng long triều chữ Vạn (chùa Quốc Ân).

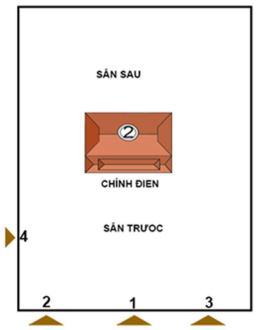
* **Vật liệu:** khá đa dạng: bằng đá, gạch, bằng gỗ hoặc sự kết hợp nhiều loại vật liệu trên. Mái cổng đa dạng với ngói liệt, ngói ống, ngói âm dương và cả lưu ly…

3.2 Vị trí cổng tam quan

Chùa Huế cũng như nhiều chùa Việt thường được xây dựng theo trục Nam – Bắc, với cổng tam quan là điểm mở đầu cho toàn bộ trục chính. Từ cổng bước vào là các công trình theo

[2] Lưỡng long chầu nhật: hình ảnh 2 con rồng ở hai bên chầu mặt trời ở giữa.
[3] Lưỡng long chầu pháp luân: hình ảnh 2 con rồng ở hai bên chầu bánh xe pháp luân.

thứ tự: lầu chuông, lầu trống, tháp Phật, chính điện, nhà hậu, nhà tăng, nhà trai, tháp tổ… Theo kết quả khảo sát: có 4 vị trí đặt cổng tam quan như hình 2. Vị trí cổng 1 ngay giữa lối vào nằm trên trục thần đạo, trang trọng nhất chiếm nhiều nhất 86.4%, vị trí 2 (4.5%), vị trí 3, 4 đều chiếm (4.5%) (Hình 2). Các vị trí 2, 3, 4 là do điều kiện khu đất, vị trí đường giao thông phía trước không đảm bảo lưu thông. Ngoài ra, trước cổng có thể có các yếu tố phong thủy như: hồ nước hình bán nguyệt (chùa Từ Hiếu), sông hồ (sông Đông Ba trước chùa Diệu Đế, sông Hương trước chùa Thiên Mụ), cây xanh (cây bồ đề trước chùa Từ Hiếu), hệ bậc cấp lối vào (chùa Bảo Quốc, Thiên Mụ, Đông Thuyền…).



Hình 2: Vị trí cổng tam quan (Nguồn: tác giả)

3.3 Phân loại cổng tam quan chùa Huế

Tiêu chí phân loại sử dụng trong bài là phân loại theo tiêu chí kết cấu và hình thức kiến trúc của cổng. Kết cấu – hình dáng tạo cổng là tiêu chí quan trọng để nhận diện loại cổng ngay từ bên ngoài (cổng có mấy tầng, bao nhiêu lối đi, có mái hay không có, có lầu gác…).

Kết quả khảo sát 22 cổng tam quan chùa Huế thực tế đem lại 4 dạng như sau:

Dạng 1: Cổng tam quan kiểu 1 tầng.

Dạng 2: Cổng 2 tầng kiểu "thượng lâu hạ cổng".

Dạng 3: Cổng tam quan kiểu tứ trụ.

Dạng 4: Cổng tam quan kiểu "thượng động hạ cổng".

3.3.1 Dạng 1: Cổng tam quan 1 tầng

Cổng chỉ có 1 tầng không có vọng lâu, có 1 hoặc 2, 3 lớp mái nhỏ chồng lên nhau. Mái ở nhịp giữa luôn cao nhất, lợp ngói liệt, ngói ống hoặc đắp vữa... Dạng 1 có 2 dạng lối đi: một là lối đi hình vuông và hai là lối đi hình vòm. Lối đi vòm khiến cổng nhẹ nhàng, thanh thoát giống một ngôi nhà hơn. Biển ngạch ở giữa đề tên chùa bằng chữ Hán hoặc Nôm ở trên. Trang trí họa tiết ở cổng dùng chữ, họa tiết trang trí đăng đối. Cổng dạng này có chùa Từ Đàm, Ba La Mật, Kim Quang, Bảo Quốc. Tam quan chùa Bảo Quốc là một trong các tam quan cổ xưa nhất xây từ thời chúa Nguyễn sau đó được trùng tu lại dưới thời vua Tự Đức. Cổng đặc biệt có 3 tầng mái

nhỏ xếp chồng lên nhau rất đẹp. Tỷ lệ mái/cổng = 1/2, không cần trang trí rườm rà chỉ để thô mộc tường gạch bám rêu xanh cổ kính toát lên vẻ đẹp bình dị, gần gũi nhưng vẫn tinh tế và độc đáo (Hình 3).



Hình 3: Cổng tam quan chùa Kim Quang, chùa Bảo Quốc, chùa Ba La Mật (Nguồn: tác giả)

3.3.2 Dạng 2: Cổng 2 tầng kiểu "thượng lâu hạ cổng"

Cổng "thượng lâu hạ cổng" gồm có 2 tầng: tầng trên là lầu gác (vọng lâu[4]), dưới là 3 lối đi có tầng mái. Cổng dạng này được chùa Huế sử dụng nhiều nhất, có 10/22 cổng chùa (45.5%). Dạng này chia làm 2 dạng nhỏ sau:

a) Dạng 2.1: Cổng 2 tầng kiểu "thượng lâu hạ cổng"

Kiến trúc vọng lâu ở trên quy mô nhỏ, có lan can phía trước bảo vệ, bên trong có đặt tượng Phật hoặc Hộ pháp. Điều này nâng tầm giá trị cổng tam quan lên, cổng không chỉ có chức năng giao thông đón tiếp thuần túy mà còn là biểu tượng thờ tự và lễ Phật. Chính yếu tố thờ tự trên cao này đã làm phong phú thêm ngôn ngữ kiến trúc cổng chùa Huế, không chỉ là một bộ phận chức năng lối vào thuần túy.

Mái của vọng lâu đắp "lưỡng long chầu nhật" (chùa Diệu Đế) hoặc "lưỡng long chầu bình hồ lô" (chùa Thiên Mụ). Dạng 2.1 này có 5 chùa: chùa Thiên Mụ, chùa Diệu Dế, chùa Từ Ân, chùa Viên Thông và chùa Thánh Duyên. Điểm đặc biệt là bên trong vọng lâu tôn trí tượng Hộ Pháp trấn giữ ở cổng, bảo vệ Phật pháp, xua đuổi tà ma khỏi chùa. Ví dụ ở chùa Thánh Duyên, chùa Thiên Mụ và chùa Diệu Đế: vọng lâu có tượng ngài Vi Đà Thiên Tôn[5] quay mặt về phía tượng Phật trong chính điện để bảo vệ đức Phật. Tượng Vi Đà trang phục như võ tướng cổ, đầu đội mũ trụ, mặc áo giáp, thân thể vạm vỡ, tay luôn cầm khí giới để sẵn sàng bảo vệ Phật pháp (Hình 4). Các tượng này thường được chia thành hai loại: một vị có khuôn mặt hiền từ, tay cầm ngọc tượng trưng cho thiện tâm, và một vị có khuôn mặt giận dữ tay cầm vũ khí tượng trưng cho trừng phạt kẻ ác. Trong chùa, phía trên 3 cửa có treo hoành phi hoặc đề chữ trong

[4] Vọng lâu: vọng gác làm trên cao, trên cổng để quan sát và thờ tự.
[5] Vi Đà Thiên Tôn: là vị Hộ pháp (và là Bồ tát) trong Phật giáo Đại Thừa được coi là vị thần hộ pháp của các chùa chiền, người bảo vệ các giáo lý của Phật giáo.

nhà Phật để răn dạy như "Đại Từ Bi", và "Đại Trí Tuệ" ở chùa Thiên Mụ. Có chùa ở lối đi chính hai bên bố trí hoặc đắp 2 tượng Hộ Pháp để trấn. Tượng làm bằng đất sét và trấu, gạch… như 2 tượng "Thập nhị tướng quân Dược xoa" ở chùa Thiên Mụ. Ở 4 trụ cổng có thể đơn giản, không đắp sen không đắp câu đối. Có cổng trang trí các câu đối ở trụ, ở 2 bên vọng lâu, đầu trụ đắp nổi hoa sen (cổng Từ Ân). Tuy nhiên tỷ lệ cổng trang trí khá ít, điều này phản ánh tinh thần cổng chùa Huế đẹp ở sự đơn giản và hài hòa tỉ lệ. Cửa ở lối đi đa số là cửa sắt để chống lại thời tiết mưa ẩm của xứ Huế, cổng bằng gỗ thì ít hơn.



Hình 4: Cổng tam quan ở chùa Diệu Đế, chùa Từ Ân, chùa Thiên Mụ (Nguồn: tác giả)

b) Dạng 2.2: Cổng tam quan có vọng lâu và 2 lầu giả

Dạng 2.2 tương tự dạng 2.1 nhưng có thêm hai "lầu giả" hai bên vọng lâu. Lầu giả là tường gạch xây cao hoặc lợp mái ngói, bờ nóc đắp nổi hình rồng. Khối vọng lâu trung tâm vẫn nổi bật về chiều cao và mật độ trang trí, bên trong đặt tượng Hộ pháp. Có 5 cổng chùa dạng này: chùa Trúc Lâm, chùa Từ Hiếu, chùa Quảng Tế, chùa Đông Thuyền và chùa La Chữ. Hai lầu giả tạo thế cân đối, gắn kết tầng trên thành một chỉnh thể, làm rõ hơn kiểu thức "cổng – nhà". Mật độ trang trí ở hai lầu giả thường dày đặc: hai bên cửa vòm hoặc trên trụ có câu đối chữ Hán về kinh Phật, thơ, kệ hay lịch sử chùa; trên vòm cửa là chữ Hán, Nôm mang tính khuyên răn như "trí tuệ, từ bi, tịnh tâm"… Bề mặt cổng phủ hoa văn, họa tiết đắp nổi, tạo hiệu ứng lồi lõm như âm – dương (như tại chùa Quảng Tế, Từ Hiếu). Đặc biệt, ở chùa Từ Hiếu, hai lầu giả được trang trí "long mã tải hà đồ" bằng gốm, sành sứ ghép công phu trên nền vôi đỏ hồng rất sống động và cuốn hút (Hình 5).



Hình 5: Cổng tam quan chùa Từ Hiếu – chi tiết long mã và tượng Hộ pháp (Nguồn: tác giả)

*** Tỉ lệ cổng:** Cổng dạng 2 này quy mô vừa phải, tỷ lệ mặt đứng gần với tỷ lệ hình chữ nhật vàng, hài hòa nhất. Tỷ lệ chiều cao tầng vọng lâu so với tầng 1 gần bằng nhau. Cổng vẫn mang nét đặc trưng của kiến trúc cung điện triều Nguyễn đó là "độ dày mái nhỏ, triền mái thẳng chỉ hơi cong rất nhẹ ở góc mái". Điều này khác hẳn so với cổng chùa miền Bắc: độ dày mái cổng dày hơn, nặng hơn chiếm tỷ lệ lớn ở mặt đứng, hệ 3 mái dày liên kết với nhau và nổi bật là các đầu đao ở góc mái cong vút lên rất công phu, tinh xảo về kĩ thuật. Ví dụ như cổng chùa Kim Liên – Hà Nội (Hình 6a) xây dựng thời Lê Sơ, điển hình của cổng chùa mang dáng vẻ cung điện thời Lê với 3 bộ mái dày nặng và các đầu đao góc mái cong vút.

Độ cao các vòm cửa ở cổng cũng khiêm tốn: vòm cửa giữa cao nhất từ 2m-2,3m. Vòm cửa hai bên cao 1,87m-2,02m (chùa Từ Hiếu). Như vậy người đứng dưới vòm có thể chạm vào đáy vòm, phù hợp tỉ lệ người Việt. Từ các yếu tố về tỷ lệ, kích thước, ý nghĩa của vọng lâu – Hộ Pháp, có thể thấy cổng dạng này tiêu biểu nhất cho tinh thần Phật giáo Huế: gần gũi, hài hòa với con người và thiên nhiên chứ không thể hiện phô trương hay uy nghi quá mức như kiến trúc chùa miền Bắc. Hình thức, tỷ lệ này cũng có nét tương đồng với kiến trúc "tam quan – môn lâu" của các cổng ở hoàng thành Huế, như cổng Chương Đức (Hình 6b). Tất nhiên cổng thành thì nhấn mạnh đắp nổi rồng mây trên bờ nóc kích thước to lớn hơn và các họa tiết trang trí đắp nổi dày đặc hơn trên thân cổng, màu sắc sặc sỡ hơn.



Hình 6a: Cổng chùa Kim Liên – Hà Nội (Nguồn: [9])



Hình 6b: Cổng Chương Đức – Huế (Nguồn: tác giả)

3.3.3 Dạng 3: Cổng tam quan kiểu tứ trụ

"Tứ trụ" mang nghĩa là 4 trụ biểu. "Trụ biểu" có tên tiếng Anh là "Obelisks" thường được miêu tả là cột đá có tiết diện vuông, chữ nhật… được sử dụng như tượng đài, biểu tượng cho 1 vị trí. Theo GS Trần Lâm Biền, hình thức tứ trụ xuất phát từ kiến trúc cổng "nghi môn tứ trụ" ở đình làng Việt như một biểu tượng, báo hiệu để mọi người biết vị trí của đình làng. Về sau, loại hình này lan sang kiến trúc đền và chùa [1]. Ở các ngôi chùa cổ miền Bắc, cổng tứ trụ này đóng vai trò là nghi môn đón tiếp các vị thánh vào chùa. Đây là biểu hiện của giao thoa tín ngưỡng ở ngôi chùa Việt, vừa thờ Phật vừa thờ Thánh. Nhưng khi đến với chùa Huế, hình thức

tứ trụ này đóng vai trò là cổng tam quan chính ở một số chùa và xuất hiện khá phổ biến ở Huế. Một số chùa miền Bắc có cả nghi môn trước cổng tam quan tạo thành *"cả tam quan nội và ngoại hình thành 2, 3 lớp cổng: tam quan ngoại và tam quan nội (Chùa Láng – Hà Nội) hoặc Tam quan kết hợp với Gác chuông ở chùa Bút Tháp – Hà Bắc)"* [4, Tr. 56]. Ở Huế, rất hiếm trường hợp có cả tam quan nội và tam quan ngoại, chỉ có hai chùa Thiên Mụ và chùa Bác Vọng Tây xây thời chúa Nguyễn Phúc Chu có 2 lớp cổng này do ảnh hưởng từ chùa miền Bắc. Chùa Bác Vọng Tây chỉ có 2 trụ biểu, chùa Thiên Mụ có 4 trụ biểu đóng vai trò là tam quan ngoại trước cổng tam quan chính vào chùa. Khảo sát có 7/22 chùa có dạng tứ trụ, dạng này chia thành 2 loại: tứ trụ độc lập và tứ trụ có trán cổng.

a) Dạng 3.1: Cổng tứ trụ độc lập

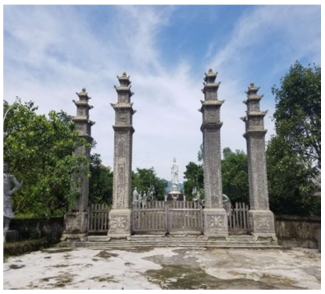
Cổng gồm 4 trụ biểu xếp đăng đối: hai trụ giữa cao hơn hai trụ ngoài tạo thành ba lối đi. Các trụ có tiết diện vuông, thường gắn liền với bậc cấp. Một số trụ có trang trí rồng đá xung quanh. Vật liệu chủ yếu là gạch, trát vữa, phủ vôi hoặc ốp đá, khảm sành sứ. Có 3 chùa: chùa Diệu Ngộ, chùa Thiền Tôn và chùa Từ Lâm.

Cấu tạo trụ biểu gồm 3 phần: đỉnh trụ, thân trụ, đế trụ.

- Đỉnh trụ: Có mái từ một đến ba tầng như chùa Diệu Ngộ (Hình 7), hoặc trang trí hoa sen, nụ sen cách điệu (chùa Từ Lâm...).
- Thân trụ: khắc câu đối Phật giáo, trang trí sen, rồng, bát bửu…
- Đế trụ: thường lớn hơn, đặt trên đá tảng hoặc có chân đế (Hình 7). Trang trí nổi bằng sành sứ tinh xảo, có thể có những họa tiết cách điệu ảnh hưởng từ Chăm Pa.

b) Dạng 3.2: Cổng tứ trụ có trán cổng

Có 4 chùa: chùa Linh Quang, chùa Tây Thiên, chùa Bác Vọng Tây và chùa Quốc Ân khảo sát có trán cổng. Cổng dạng này có 4 trụ nhưng hoàn thiện hơn với sự xuất hiện thanh xà nối giữa 2 trụ gọi là "trán cổng". Nó nhấn mạnh tính hoàn chỉnh cho hình thức của một lối vào trang trọng. Trên trán cổng: phía trước đề tên chùa, mặt sau khắc câu đối – câu thơ. Nổi bật nhất là phía trên thanh xà giữa trang trí biểu tượng Phật giáo. Biểu tượng đa số là "lưỡng long triều pháp luân" còn lại là "mây chầu chữ Vạn" (chùa Quốc Ân). Hay "hổ phù chầu Pháp luân" ở chùa Tây Thiên là trường hợp khá hiếm gặp ở cổng chùa mà thường gặp ở cung điện, lăng tẩm triều Nguyễn. Một số câu đối chữ Phạn (chùa Từ Lâm), họa tiết hoa sen cách điệu kiểu Chăm Pa ở chùa Tây Thiên (Hình 8)… cho thấy có sự giao thoa của nghệ thuật trang trí Chăm Pa trong trang trí mỹ thuật Phật giáo Huế. Các trang trí đều mang ý nghĩa giáo lý tốt đẹp trong đạo Phật và Nho giáo.



Hình 7. Cổng chùa Diệu Ngộ





Hình 8. Cổng tứ trụ chùa Tây Thiên và Bác Vọng Tây (Nguồn: tác giả)

Bảng 2: Các biểu tượng trang trí trên cổng tứ trụ

Một số biểu tượng trang trí trên cổng tứ trụ				
Thân trụ	Đế trụ	Đỉnh trụ	Ô trang trí đầu trụ	Trên trán cổng
Câu đối chữ Hán	Hoa sen	Búp sen	Chữ Vạn, Chữ Thọ	Lưỡng long chầu Pháp luân
Chữ Nôm, Chữ Phạn	Hoa lá	Nụ sen kiểu Chăm	Hoa sen	Hổ phù chầu Pháp luân
Họa tiết sành sứ	Hệ bát bửu		Hình học (thoi, tròn)	Mây – chữ Vạn

3.3.4 Dạng 4: Cổng tam quan kiểu "thượng động hạ cổng"

"Thượng động hạ cổng" hay "cổng – động" là kiến trúc ở trên xây dạng hang động, dưới là lối cổng đi bình thường. Đây là loại hình đặc biệt trong kiến trúc cổng tam quan ở cả chùa Huế và chùa Việt. Ở Huế, chỉ có một cổng dạng này là cổng Thanh Trúc ở chùa Diệu Viên. Cổng gồm 3 tầng tạo hình như một công trình tạc từ sườn núi. Tầng trên cùng nhỏ nhất thờ đức Thế Tôn ngồi kiết già nhập định, tầng thứ 2 lớn hơn như một hang động thờ Bồ Tát Quán Thế Âm. Trong văn hóa Phật giáo Đại thừa, hình tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ngồi trong động hay vách núi đá là mô típ thường xuất hiện ở kiến trúc chùa Trung Hoa thời Đường – Tống. Cổng – động nhằm tái hiện "thế giới tịnh độ" được thu nhỏ ngay từ lối vào để người xem chiêm ngưỡng và cảm nhận. Mái cổng hình bán cầu, phía trên đắp nổi lưỡng long chầu nhật, ở tầng giữa có hình tượng hai con rồng cách điệu đắp vữa. Ở dưới là lối đi dạng vòm sâu 2m, cây cỏ và dây leo rêu xanh bao phủ trên mái cổng, trên thân cổng và trên tường thành (Hình 9). Vật liệu bằng gạch nhưng mặt ngoài phủ rêu, trồng cây xanh ở trên tường thành và dán các lớp đá giả núi… tạo một hình thức hang động tự nhiên huyền bí. Đây là thủ pháp tạo cổng tam quan ăn nhập hài hòa với cảnh quan thiên nhiên xung quanh, đưa vật liệu tự nhiên và phủ xanh mặt đứng cổng.



Hình 9: Tam quan chùa Diệu Viên (Nguồn: tác giả)

4. Ý nghĩa một số ngôn ngữ biểu tượng trên cổng tam quan

Các biểu tượng trang trí ở cổng tam quan nằm trên trán cổng, trên bờ nóc mái và trên vọng lâu mái, trên trụ cột nghi môn, ở đá tảng... chủ yếu là các biểu tượng Phật giáo đóng vai trò là ngôn ngữ truyền tải thông điệp, tinh thần triết lý trong Phật giáo, thể hiện cái tốt đẹp, cái thiện, hóa giải mọi người và vạn vật. Các biểu tượng trang trí nhìn chung có 4 nhóm: nhóm văn hóa – mỹ thuật trang trí thời Nguyễn, nhóm biểu tượng học Phật giáo, nhóm biểu tượng Nho giáo và nhóm tín ngưỡng dân gian… Ví dụ một số biểu tượng như sau:

- Nhóm biểu tượng học Phật giáo:

"Bánh xe Pháp luân" (Dharmachakra) là bánh xe quay tròn tượng trưng cho giáo lý của Đức Phật được chuyển động, tám nan biểu thị bát chánh đạo, là biểu tượng cát tường của Phật giáo. "Lưỡng long chầu pháp luân": 2 con rồng chầu bánh xe pháp luân, tượng trưng cho sự may mắn cát tường, ban phước lành đến tín hữu viếng cảnh chùa.

Hoa sen: biểu thị sự thanh khiết, vô nhiễm, biểu tượng cho sự ra đời của đức Phật.

"Mây chầu chữ Vạn", "lưỡng long chầu chữ Vạn": trong văn hóa Phật giáo, chữ Vạn biểu thị cho trường thọ, hạnh phúc an lành.

Hệ bát bửu Phật giáo: dấu chân phật (Thế Tôn đản sinh), cái lọng, đôi cá, con dơi (ước vọng về bình an và may mắn), bảo bình, nút huyền bí, hoa sen, cây bồ đề biểu trưng cho đức Phật thành đạo…

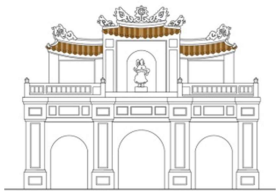
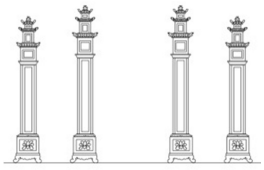
- Nhóm biểu tượng Nho giáo:

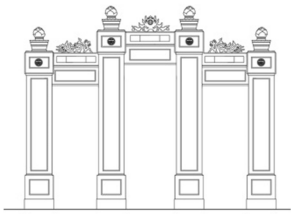
Long mã tải hà đồ: là linh vật có mình ngựa, đầu rồng, chân có móng, mình có vảy đang cõng hà đồ là biểu tượng của trí tuệ thiên mệnh, của sự khai sáng tri thức vũ trụ.

Hổ phù: hình ảnh đầu hổ biểu tượng của sức mạnh, uy lực, sự trường tồn, bất tử, xua đuổi tà khí. Thường trang trí trên vòm cổng ở cung điện, lăng tẩm thời Nguyễn. Việc xuất hiện ở chùa Huế chứng tỏ kiến trúc chùa Huế ít nhiều ảnh hưởng từ kiến trúc cung điện.

Sử dụng motif tứ linh gồm long, lân, qui, phụng và dơi… nổi trội và sử dụng phổ biến nhất vẫn là hình tượng rồng, gặp rất nhiều ở mái.

Bảng 3: Tổng hợp 4 dạng cổng tam quan chùa Huế thời Nguyễn

Dạng cổng	Hình ảnh	Đặc điểm	Chùa – tỷ lệ
Dạng 1		**Cổng tam quan 1 tầng**: có 3 lối đi dạng hình vòm hoặc vuông, lối giữa lớn nhất đề bảng tên. Mái lợp ngói liệt, ngói ống… trang trí họa tiết ở bờ nóc, góc mái, câu đối đối xứng, tỉ lệ cân đối. Gặp ở chùa dân lập và chùa tổ.	4 chùa (18.2%) Từ Đàm, Ba La Mật, Kim Quang, Bảo Quốc
Dạng 2 **Dạng 2.1**		**Cổng 2 tầng kiểu "thượng lâu hạ cổng"**: có 2 tầng, tầng trên là vọng lâu thờ Hộ pháp. Tầng dưới là 3 lối vào đa số kiểu thức dạng cuốn vòm. Ở bờ nóc, bờ quyết có giao long cách điệu, trang trí. Hay gặp ở quốc tự và chùa quan.	10 chùa (45.5%) Thiên Mụ, Diệu Dế, Từ Ân, Viên Thông, Thánh Duyên Trúc Lâm, Từ Hiếu, Quảng Tế, Đông Thuyền và La Chữ
Dạng 2.2		**Cổng 2 tầng có vọng lâu và 2 lầu giả:** có vọng lâu thờ ngài hộ pháp và 2 lầu giả hai bên bằng gạch hoặc gỗ. Trang trí phong phú: họa tiết, rồng, chữ Hán, các câu đối, ghép mảnh sành sứ, thủy tinh… tỷ lệ hài hòa cân đối như "cổng – nhà". Gần giống với cổng thành, xuất hiện đa số ở chùa tổ.	
Dạng 3 **Dạng 3.1**		**Cổng tứ trụ độc lập:** cấu tạo bởi 4 trụ, 2 trụ trong cao hơn 2 trụ ngoài. Có câu đối ở thân trụ, trang trí họa tiết ở đế trụ và đầu trụ, đa số bông sen trên đầu trụ. Ảnh hưởng từ cổng đình làng.	7 chùa (31.8%) Diệu Ngộ, Thiền Tôn, Từ Lâm, Bác Vọng Tây, Tây Thiên, Linh Quang, Quốc Ân

Dạng 3.2		**Tứ trụ có trán cổng**: có thanh xà liên kết các đầu trụ với nhau và trên đó có lưỡng long triều pháp luân trang trí chủ yếu trên trán cổng – Vật liệu chủ yếu là đá, gạch, xuất hiện ở chùa tổ và chùa làng.	
Dạng 4		**Cổng kiểu "thượng động hạ cổng"**: có 1 lối đi, có 3 tầng: tầng trên dạng động thờ "Quán Thế Âm", tầng dưới là lối đi dạng vòm như hang động. Vật liệu gạch và dán giả đá kết hợp cây xanh tạo cảnh.	1 chùa (4.5%) Diệu Viên

5. Kết luận

Cổng tam quan là một thành phần kiến trúc quan trọng trong tổng thể ngôi chùa Huế, vừa mang giá trị thẩm mỹ, vừa hàm chứa ý nghĩa biểu tượng Phật giáo xứ Huế. Trải qua quá trình hình thành và phát triển, kiến trúc cổng đã tiếp thu ảnh hưởng từ kiến trúc cung đình Huế và dân gian thời Nguyễn, đồng thời phát triển những đặc điểm riêng biệt, phản ánh tinh thần Phật giáo địa phương. Với 4 dạng thức cơ bản: cổng một tầng, cổng hai tầng kiểu "thượng lâu hạ cổng", cổng tứ trụ và cổng kiểu "thượng động hạ cổng". Mỗi loại đều thể hiện những giá trị khác nhau về hình thức, kết cấu và biểu tượng. Trong đó, cổng "thượng lâu hạ cổng" nổi bật với ngôn ngữ tạo hình, trang trí phong phú, tỷ lệ hài hòa, biểu đạt rõ nét tinh thần Phật giáo Huế và mang đậm nét đặc trưng kiến trúc triều Nguyễn.

Nhìn chung, cổng chùa Huế mang một bản sắc riêng so với cổng chùa Việt trước đó: quy mô khiêm tốn nhưng rất trang nghiêm, giản dị mà sâu lắng, hài hòa mà nhân văn. Đây chính là đặc trưng nổi bật, thể hiện triết lý tinh thần Phật giáo Huế: coi trọng quan hệ gần gũi giữa Phật – Pháp – Tăng và cộng đồng tín đồ, cũng như rất coi trọng hòa hợp giữa con người – kiến trúc – cảnh quan thiên nhiên. Qua đó, cổng tam quan dần trở thành ngôn ngữ biểu tượng, định hình diện mạo kiến trúc ngôi chùa, một biểu tượng của sự gắn kết giữa Phật, Pháp và đời sống thường nhật của con người Huế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biền (2012), *Diễn biến Kiến trúc truyền thống Việt vùng châu thổ sông Hồng*, NXB Văn hóa – Thông tin.

2. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, NXB Văn hóa – Thông tin.
3. Hà Xuân Liêm (2000), *Những ngôi chùa Huế*, NXB Thuận Hóa, Huế.
4. Vũ Tam Lang (1998), *Kiến trúc cổ Việt Nam*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
5. Lê Thanh Sơn (2019), *Biểu tượng và không gian kiến trúc – đô thị*, NXB Xây Dựng, Hà Nội.
6. Hà Văn Tấn (2013), *Chùa Việt Nam*, NXB Thế Giới.
7. Giác Minh Tuệ (2006), Tam quan trong kiến trúc chùa Việt Nam, *Tạp chí Xưa và Nay*, số 257, 4/2006, Tr. 23–27.
8. Nguyễn Ngọc Tùng, Võ Trần Gia Phúc, Lê Nghi Minh Hiếu, Nguyễn Minh Hiếu (2020), Vài nét kiến trúc trụ biểu đình làng Huế, *Tạp chí Kiến trúc*, số 10 - 2020.
9. Nguyễn Ngọc Tùng, Nguyễn Thị Minh Xuân (2016), *Giáo trình lịch sử kiến trúc Việt Nam*, NXB Đại Học Huế, Huế, Tr. 48.